TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **387**/2022/HSPT
Ngày 23 tháng 9 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang
Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 276/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Lê H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2022/QĐXXPT-HS ngày 8/9/2022.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Lê H**, sinh năm: 1987 tại Hải Phòng;

Nơi cư trú: Số 124 đường B, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ;

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm: 1955 và con bà Lê Thị Phương O, sinh năm: 1962; gia đình bị cáo có 2 anh em bị cáo là con thứ nhất, có vợ là Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 1987 (đã ly hôn năm 2022); chưa có con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Ngày 22/11/2021, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: **Bà Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé T. Luật sư Âu Quang Phục, Công ty luật TNHH Âu Thịnh Phát- Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo, bà Tý và luật sư Phục có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***1. Nội dung chính*:** Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th được Quỹ trợ vốn phát triển hợp tác xã thuộc Liên minh hợp tác xã tỉnh Đ (gọi tắt là Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ) công nhận cấp liên nhiệm theo Quyết định số 102/QĐ-DCCM ngày 22/8/2014. Người đại diện trước pháp luật của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th là Dương Văn Nh, chức vụ: Trưởng ban Quản trị kiêm Chủ tịch, có nhiệm vụ quản lý và điều hành các hoạt động và chịu trách nhiệm trước pháp luật của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th. Theo chủ trương của Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ về việc cho thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th vay vốn để phát triển nông nghiệp, mỗi đợt thời hạn 12 tháng, phí trợ vốn 0,6%/tháng, phương thức hoàn trả: trả góp vốn và các khoản phí phải thu theo định kỳ hàng tháng. Quy trình lập hồ sơ xin trợ vốn như sau: Đơn xin trợ vốn kiêm hợp đồng được ban hành theo mẫu của Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ, Dương Văn Nh chịu trách nhiệm hướng dẫn các thành viên có đủ điều kiện vay vốn, làm đơn và ký tên người vay vốn vào đơn xin trợ vốn kiêm hợp đồng và được Dương Văn Nh ký xác nhận và đóng dấu của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th (cấp liên nhiệm) theo quy định. Sau khi H tất hồ sơ trợ vốn, Nh có văn bản bảo lãnh kèm danh sách đề nghị trợ vốn trình Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ xem xét trợ vốn theo quy định. Sau khi tiếp nhận đề nghị xin trợ vốn của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th, Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ sẽ phân công cán bộ tín dụng phối hợp với Nh để tiến hành thẩm định tại nhà người vay về mục đích sử dụng vốn trước khi Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ quyết định giải ngân, giao vốn cho các thành viên.

Trong quá trình công tác, Dương Văn Nh phát hiện có nhiều sơ hở trong quá trình trợ vốn thể nhân nên đã nảy sinh ý định làm giả hồ sơ xin trợ vốn của các thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th, nhằm chiếm đoạt tiền trợ vốn của Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đ. Để thực hiện ý định, Nh tập hợp lập danh sách 14 thành viên của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp

Xuân Th có nhu cầu xin vay vốn (đợt 10/2018) với số tiền vay là 20.000.000 đồng/01 thành viên. Tuy nhiên, chỉ có 08/14 thành viên thực tế có vay vốn và làm đơn xin trợ vốn kiêm hợp đồng; còn 06 thành viên không vay vốn, gồm: H Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M, cùng trú tại xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đ. Nh đã ký tên đóng dấu Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th (cấp liên nhiệm) nhằm xác nhận khống để làm giả 06 hồ sơ, đồng thời có văn bản bảo lãnh gửi kèm danh sách đề nghị trợ vốn gồm có 14 thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th, rồi chuyển cho Phạm Lê H là cán bộ tín dụng của Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị trợ vốn của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th, theo quy trình nghiệp vụ trợ vốn được ban hành theo Quyết định về việc ban hành quy trình nghiệp vụ trợ vốn số 04/QĐ-DCCM ngày 24/11/2008 của Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ, Phạm Lê H phải phối hợp với Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th đến nhà từng thành viên để thẩm định đánh giá tình trạng pháp lý của từng thành viên nhưng H đã thiếu tinh thần trách nhiệm, không thẩm định theo quy trình mà ký xác nhận và Nh ký vào phần cấp liên nhiệm để hợp thức hóa hồ sơ đề xuất Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ giải ngân cho 14 thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th. Ngày 10/5/2018, ông Trần Quốc H – Phó giám đốc Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ đã phê duyệt giải ngân số tiền 280.000.000 đồng cho 14 thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th vay vốn theo quy định. Ngày 11/5/2018, tại ấp T, xã X, huyện X, Đồng Nai, Phạm Lê H đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu, giao vốn cho 08 thành viên thực tế vay vốn và yêu cầu ký nhận vào danh sách kiêm biên bản bàn giao vốn, còn 06 thành viên không vay vốn (hồ sơ khống) không có mặt nhận vốn nhưng H đã thiếu tinh thần trách nhiệm, làm trái theo quy trình nghiệp vụ trợ vốn, không phối hợp với cấp liên nhiệm để khảo sát thực tế, đánh giá tình trạng pháp lý của từng thành viên vay vốn và khi giao vốn cho các thành viên vay vốn H đã không giao vốn đến tận tay từng thành viên dẫn đến không phát hiện được các hồ sơ vay vốn do Nh làm giả đã giao vốn cho Nh với số tiền 120.000.000 đồng, gây thất thoát tài sản của Quỹ trợ vốn hợp tác xã tỉnh Đ. Đến năm 2019, khi bị Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ phát hiện hành vi vi phạm, Nh đã sử dụng tài khoản của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th chuyển số tiền 120.000.000 đồng chiếm đoạt chuyển vào tài khoản của Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ để hợp thức hóa trả tiền vốn và lãi của các thành viên vay vốn.

Theo Hợp đồng trách nhiệm số 01/17/HĐTN-QTV ngày 20/3/2017 giữa Dương Văn Nh với Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đ, hàng tháng Nh có nhiệm vụ thu tiền gốc và lãi của các thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ

nông nghiệp Xuân Th vay đợt 10 ngày 11/5/2018 để tổng hợp nộp về cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ. Tuy nhiên, Nh đã không thực hiện đúng theo quy định mà đã lợi dụng chức vụ quyền hạn là Chủ tịch Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th để chiếm đoạt tiền của 05 thành viên số tiền 34.977.000 đồng đóng vốn và lãi, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn Đoàn, sinh năm 1985, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã nộp cho Nh 01 lần với số tiền 4.000.000 đồng, Nh đã chiếm đoạt số tiền trên, không nộp lại cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ.

2. Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1965, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã nộp cho Nh 05 lần, với tổng số tiền 15.416.000 đồng, Nh đã chiếm đoạt số tiền trên, không nộp lại cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ.

3. Bà Dương Thị Th, sinh năm 1956, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã nộp cho Nh 04 lần, với tổng số tiền 5.780.000 đồng, Nh đã chiếm đoạt số tiền trên, không nộp lại cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã nộp cho Nh số tiền là 5.781.000 đồng, Nh đã chiếm đoạt số tiền trên, không nộp lại cho Quỹ trợ vốn hợp tác xã tỉnh Đ.

5. Bà Đặng Thị Kiều Th, sinh năm 1970, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã nộp cho Nh 04 lần, với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, Nh đã chiếm đoạt số tiền trên, không nộp lại cho Quỹ trợ vốn Hợp tác xã tỉnh Đ.

2/ Kết luận giám định: Tại Bản kết luận giám định số 955/KLGĐ-PC09 ngày 21/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A7) so với chữ viết, chữ ký mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A8, từ A10 đến A13) so với chữ viết, chữ ký mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị H ở phần mục Người làm đơn trên tài liệu được nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A9) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị H trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký ra.

4. Chữ viết mang tên Nguyễn Thị H ở phần mục Người làm đơn trên tài liệu được nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A9) so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị H

trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không do cùng một người viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ viết, chữ ký mang tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M3) do cùng một người ký và viết ra.

6. Chữ viết ở phần thông tin người xin trợ vốn (mặt trước) trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ viết trên tài liệu nêu ở mẫu so sánh (ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

3. Vật chứng vụ án:

- 01 (một) con dấu hình tròn, khắc chữ Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th;

- 02 (hai) mộc khắc họ tên Dương Văn Nh;

- 06 (sáu) đơn xin trợ vốn kiêm hợp đồng đợt trợ vốn thứ 10/2018 tên Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M;

- 01 (một) danh sách trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn của Quỹ trợ vốn hợp tác xã Đ thuộc đợt trợ vốn thứ 10/2018;

- 05 (năm) sổ theo dõi tiền góp (photo).

4. Trách nhiệm dân sự: Ngày 22/4/2019, Dương Văn Nh đã trả cho Quỹ trợ vốn phát triển hợp tác xã tỉnh Đ số tiền 35.000.000 đồng là gốc và lãi của 03 hồ sơ khống gồm hồ sơ của Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X. Ngày 02/12/2021, Dương Văn Nh và Phạm Lê H đã tự nguyện chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đ để khắc phục hậu quả. Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 02/12/2021, bà Nguyễn Thị Bé T (là vợ của Dương Văn Nh) đã tự nguyện giao nộp số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đ là tiền do Nh chiếm đoạt số tiền trả lãi và vốn của 05 thành viên Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2022/HS-ST ngày 27-06-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Lê H phạm tội: *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

- Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Lê H**: **08** (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

***6. Kháng Cáo**:* Ngày 07/7/2022 bị cáo Phạm Lê H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 08/7/2022, vợ bị cáo Dương Văn Nh bà Nguyễn Thị Bé T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

***7. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa*:**

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Lê H về tội "*Thiếu rách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 đơn xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật tại địa phương, hiện phải là lao động duy nhất trong gia đình, có Bố bị tâm Thần theo kết luận giám định pháp y Tâm thần số 42/KLVPYTW ngày 20/01/2022 "kết luận mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi", em gái bị "Rối loạn ám ảnh - Cưỡng bức", đang nghỉ học điều trị tâm thần có giấy chứng nhận của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2, mẹ bị tai biến đang điều trị ngoại trú, sau sự việc xảy ra vợ bị cáo đưa đơn ly hôn có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án Biên Hòa vào năm 2022. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ thể hiện tính khoan hồng của pháp luật giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không có căn cứ nên không chấp nhận.

8. Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T tại phiên tòa:

- Tại phần kết luận của Bản Cáo Trạng cũng đã khẳng định Quỹ trợ vốn HTX Đ chỉ thiệt hại là 155 triệu đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc thiệt hại này của Quỹ trợ vốn hợp tác xã Đ được thực hiện trên 02 hành vi độc lập:

+ Thứ 1: Liên quan đến số tiền 120 triệu của 6 hồ sơ vay vốn; thì bị cáo Nh và H đã H trả và khắc phục đầy đủ có dư, như sau:

- Ngày 27/5/2019: H đã tự chuyển 100 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho hành vi có liên quan đến 6 hồ sơ vay vốn. Số tiền này là H đã mượn của Nh

trước kia – không liên quan đến vụ án; và sau đó thì Nh và H cũng thống nhất là cả 2 cùng dùng số tiền này để khắc phục hậu quả. (BL 230);

- Cũng trong năm 2019, Nh cũng đã dùng tài khoản của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th chuyển số tiền là 120 triệu đồng cho Quỹ trợ vốn hợp tác xã Đ. Nội dung này được ghi nhận tại Bản Cáo Trạng (BL 445 – 446).

Đối với phần này: Nh đã chuyển để khắc phục hậu quả còn dư ra 100 triệu đồng.

+ Thứ 2: Liên quan đến số tiền 34.977.000 làm tròn 35 triệu của 5 người ông Đ, L, bà Th, T, Th

- 22/4/2019: Nh đã trả số tiền là 35 triệu đồng cho Quỹ trợ vốn hợp tác xã Đ; coi như đã khắc phục hậu quả của 5 người Ông Đ, L, bà Th, T, Th

Tuy nhiên, ngày 2/12/2021 thì bà T, vợ bị cáo Nh đã nộp thêm 35 triệu đồng theo yêu cầu của bên Công An. Như vậy, đã nộp dư rồi lại còn nộp dư thêm. Tổng nộp dư là 100 triệu + 35 triệu = 135 triệu đồng.

Mặc dù bị cáo Nh hiện đang bị truy cứu Trách nhiệm hình sự, nhưng theo quy định của pháp luật thì vợ là người đại diện cho chồng, thực hiện những công việc mà chồng phải làm về nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan chức năng. Bằng chứng là mặc dù bị cáo Nh là người bị truy cứu Trách nhiệm hình sự; nhưng bà T lại dùng tiền của mình để khắc phục hậu quả thay chồng, và tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; và hơn nữa, tiền bị cáo Nh chuyển trả cho Quỹ tín dụng cũng là tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Vì vậy, hiện tại người có đủ tư cách để nhận lại số tiền mà bị cáo Nh và bà T đã chuyển để khắc phục hậu quả dư là chỉ có Bà T; tương đương số tiền là 100 triệu + 35 triệu = 135 triệu đồng (sau khi cấn trừ tiền lãi nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo bi cáo Phạm Lê H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* theo khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là 08 (tám) tháng tù là phù hợp với, tính

chất mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt; Ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo bổ sung thêm các tình tiết, có xác nhận địa phương bản thân bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, có Bố bị tâm Thần theo kết luận giám định pháp y Tâm thần số 42/KLVPYTW ngày 20/01/2022 "Kết luận mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi", em gái bị Rối loạn ám ảnh - Cưỡng bức, đang nghỉ học điều trị tâm thần có giấy chứng nhận của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2, mẹ bị tai biến đang điều trị ngoại trú, sau sự việc xảy ra vợ bị cáo đưa đơn ly hôn có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án Biên Hòa. Trong quá trình công tác bị cáo được thường nhiều giấy khen tại nơi làm việc

Đây là những tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có địa chỉ rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Lê H, sửa án sơ thẩm, chuyển hình phạt tù sang hình phạt "Cải tạo không giam giữ " để bị cáo chấp hành, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đồng thời giao bị cáo cho địa phương nơi bị cáo cư trú, kết hợp với gia đình bị cáo để quản lý trong thời gian cải tạo không giam giữ

[4] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T về số tiền thất thoát của Hợp tác xã.

Số tiền bị cáo Nh chiếm đoạt và làm thất thoát của Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Th gồ 06 đơn xin trợ vốn kiêm hợp đồng vay vốn của 06 thành viên hợp tác xã Xuân Th gồm: Hg Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X, Mai Thanh H, Dương Thanh S, Hỏa Văn M để chiếm đoạt của Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đ số tiền 120.000.000 đồng, chiếm đoạt gốc và lãi của 05 thành viên là 34.477.000 đồng cùng tiền lãi phải đóng cho 06 hồ sơ khống là

11.520.000 đồngTổng cộng là 165.997.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Nh đã nộp là 170.000.000 đồng. Số tiền dư là 4.003.000 đồng (Bốn triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Quỹ trợ vốn phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé T 4.003.000 đồng (Bốn triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng) là đúng quy định. Do đó việc bà Tý kháng cáo cho rằng bị cáo Nh đã chuyển số tiền dư 90.003.000đ là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T về hình phạt đối với bị cáo Dương Văn Nh. Căn cứ theo quy định tại tại điểm g khoản 2 Điều 65, khoản 4 Điều 334 Bộ luật tố tụng hình sự thì bà T không có quyền kháng cáo xem xét về hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp xử với Hội đồng xét nên ghi nhận.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ nên không chấp nhận,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Lê H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 83/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 360; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo**: Phạm Lê H 08** (tám) tháng cải tại không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo bị xét xử về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*".

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về phần áp dụng biện

pháp tư pháp.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc
- UBND phường An Bình, TP Biên Hòa
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương